

Mục lục

Bài học 1 : Giảng thơ, văn - Thơ lục bát - Em yêu tiếng Việt.....	5
Bài học 2 : Luyện chính tả - Đạo Làm Con.....	6
Bài học 3 : Người Việt Ngày Nay	8
Bài học 4 : Văn phạm & Ngữ vựng - Cấu trúc các câu đơn giản.....	9
Bài học 5 : Tiếng Việt và chữ Việt.....	11
Bài học 6 : Phong tục cổ truyền và nét đẹp ngày Tết Việt Nam.....	12
Bài học 7 : Tôn giáo	16
Bài học 8 : Văn phạm & Ngữ vựng - Phụ từ Mà.....	17
Bài học 9 : Địa lí Việt Nam - Hải đảo Việt Nam	19
Bài học 10 : Cổ đô Huế (+ Bản đồ hành chính Việt Nam)	20
Bản đồ Việt Nam - Lãnh thổ Việt Nam qua các triều đại	23
Niên biểu lịch sử Việt Nam.....	24
Bài học 11 : Tóm lược lịch sử Việt Nam.....	27
Bài học 12 : Lịch sử - Con số 18 kì lạ, dấu ấn của triều đại Hùng vương trên Trống Đồng Đông Sơn.....	29
Bài học 13 : Lịch sử - Nhà Tây Sơn (1778-1802).....	31
Bài học 14 - Lịch sử - Nhà Nguyễn (1802-1954)	33
Bài tham khảo lịch sử Việt Nam - Vua Quang Trung Đại Phá Quân Thanh.....	34

Phương pháp dùng sách Việt Ngữ lớp Hiệp Sĩ 11

Các bài trong sách Việt Ngữ lớp Hiệp Sĩ 11 được lựa theo nhiều dạng : chính tả, tập đọc, học thuộc lòng khi cần, tập làm văn, văn phạm & ngữ vựng, địa lí, lịch sử Việt Nam. Giảng viên nên luân phiên, dạy mỗi môn một bài.

Các học sinh lớp Hiệp Sĩ 11 có thể chưa phân biệt rõ các vần gần giống nhau. Vì vậy, giảng viên cần đọc rõ để giúp các em biết nghe đúng, thì mới viết đúng chính tả.

Học vần, nhịp thơ : giảng viên đọc rõ từng tiếng; cho cả lớp đọc theo. Khuyến học sinh nên học thuộc lòng bài trước để tập đọc thơ cho đúng vần điệu. Cách riêng là thơ lục bát. Khi đọc thơ, ca dao thì cần có vần điệu. Tục ngữ, ca dao, thơ : tập đọc, giải nghĩa trong lớp và cho các em về nhà học thuộc lòng để đọc lại theo vần nhịp.

Tập đọc và phân biệt từ dấu : giảng viên viết những từ lên bảng; giảng viên đọc và cho cả lớp đọc theo (nếu cần).

Bài tập : mỗi học sinh tìm 1 ví dụ (có thể lên bảng viết). Tập cho các học sinh tự đặt câu khi trả lời.

Luyện chính tả : Bảng vần ở hai trang 3 - 4 giúp học ôn các vần, các phụ âm đầu, đánh dấu để viết đúng.

Đối thoại : Cho học sinh đọc những bài đối thoại trong vai một nhân vật của truyện. Có thể phân nhóm để làm việc.

Văn xuôi : phân công mỗi học sinh đọc một câu, hoặc một đoạn, hoặc cả bài.

Văn phạm & ngữ vựng : Trong văn phạm tiếng Việt điều cốt yếu là phải biết dùng đúng một số phụ từ. Lớp HS11 sẽ học **Cấu trúc các câu đơn giản** và một số phụ từ **là, thì**. Trong tiếng Việt, cần biết một số từ Hán Việt, nhất là những từ đã quen dùng đến độ có thể quên rằng chúng bắt nguồn từ tiếng Hán.

Sinh vật, địa lí & lịch sử Việt Nam : Giảng viên đọc bài hoặc kể chuyện cho cả lớp nghe. Giảng viên giải nghĩa các từ khó

Lưu ý : Giảng viên luôn nhắc các học sinh phải học bài tiếng Việt ở nhà và cho bài tập về nhà.

CHỮ CÁI (= MẪU TỰ) (lettres de l'alphabet) :

Chữ cái là **dấu hiệu** viết ra, chấp lại với nhau để biểu thị tiếng nói.

Tiếng Việt có **29** chữ cái:

a, ă, â, b, c, d, đ, e, ê, g, h, i, k, l, m, n, o, ô, ơ, p, q, r, s, t, u, ư, v, x, y.

NGUYÊN ÂM, PHỤ ÂM và DẤU (voyelles, consonnes et accents) :

Để ghi âm tiếng Việt, chúng ta có nguyên âm, phụ âm đơn và phụ âm ghép, cùng các dấu.

10 nguyên âm : **a, e, ê, i, o, ô, o, u, ư, y.**

2 bán nguyên âm : **ă, â**

2 bán phụ âm : **p, q**

(ă, â và p,q không bao giờ đứng một mình nhưng kết hợp với những chữ khác để tạo âm).

16 phụ âm đơn với **9** phụ âm đơn giống tiếng pháp:

b, c, d, đ, g, h, k, l, m, n, p, r, s, t, v, x.

11 phụ âm ghép :

ch, gh, gi, kh, ng, ngh, nh, ph, qu, th, tr.

Các mẫu tự sắp xếp theo tự điển , **tên** và **âm** [phiên âm]

A a a	(Ă) á á	(Â) ớ ớ	B bê bờ	C xê cờ [k]	CH xê hát chờ [c]	D dê dờ [j]	Đ đê đờ [d]	E e [ɛ]	Ê ê [e]
G giê gờ [g]	GH giê hát gờ-hát [g]	GI giê-i giờ [z]	H Hát hờ	I i ngắn i	Y i dài i hay i+i	K ca cờ [k]	KH ca hát khờ [x]	L en lơ lờ	M em mờ mờ
N en nờ nờ	NG [ŋ] en nờ giê ngờ	NGH [ŋ] en nờ giê hát ngờ hát	NH en nờ hát nhờ [ɲ]	O o o [ɔ]	Ô ô ô [o]	Ơ ơ ơ [ɤ]	P pê pờ	PH pê hát phờ [f]	QU cu u quờ [kw]
R e rờ rờ	S ét sì sờ [ʃ]	T tê tờ	TH tê hát thờ [tʰ]	TR tê e rờ trờ [tʰ]	U u u [u]	Ư ư ư [ɯ]	V vê vờ	X ích xì xờ [s]	

Lưu ý :

- Tiếng Việt có **5** dấu (huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng)(= *accent*)

Nhưng có **6** thanh : "ngang" : (còn gọi là "không") dành cho những chữ không có dấu.

6 thanh (= ton) : Không(**a**) - huyền(**à**) - sắc(**á**) - hỏi(**ả**) - ngã(**ã**) – nặng(**ạ**)

- Tiếng Việt gồm 3 phần : nguyên âm, phụ âm đầu và dấu.

Bảng các vần

	Vần ghép từ hai hoặc ba nguyên âm							Vần ghép từ nguyên âm và phụ âm							
								Vần phối hợp từ nguyên âm và phụ âm mũi (consonnes nasales)				Vần thanh trắc phối hợp từ nguyên âm và phụ âm miệng (consonnes orales); chỉ đi với dấu sắc hoặc dấu nặng			
	a	e/ ê	i	y	o	ơ	u	m	n	nh	ng	c	ch	p	t
a			ai	ay	ao		au	am	an	anh	ang	ac	ach	ap	at
ă								ăm	ăn		ăng	ắc		ấp	ăt
â				ây			âu	âm	ân		âng	ác		áp	ăt
e					eo			em	en		eng*	ec*		ep	et
ê							êu	êm	ên	ên			êch	êp	êt
i	ia						iu	im	in	inh			ich	ip	it
o	oa	oe	oi					om	on		ong	oc		op	ot
ô			ôi					ôm	ôn		ông	ôc		ôp	ôt
ơ	ơi							ơm	ơn					ơp	ơt
u	ua	uê	ui	uy		uơ*		um	un		ung	uc		up	ut
ư	ưa		ưi				ưu	ưm*	ưn*		ưng	ưc			ưt
iê							iêu	iêm	iên		iêng	iêc		iêp	iêt
oa			oai	oay	oao			oam	oan	oanh	oang	oac	oach		oat
oă								oăm	oăn			oăc			oăt
oe					oeo*				oen						oet
oo											oong*				
uâ				uây					uân						uât
uê							uêu*			uên			uêch		
uô			uôi					uôm	uôn		uông	uôc			uôt
uy	uya*						uyu*			uynh			uych		uyt
uyê									uyên						uyêt
uơ			uơi				uơu	uơm	uơn		uơng	uơc		uơp	uơt

- * : ec, eng, uơ, ưm, ưn, oeo, uêu, uên, uya, uyu, oong : vần cho rất ít từ ;
- Nguyên âm ghép : vần in đậm : oa, oe, uê, uy uơ : đánh dấu trên nguyên âm mạnh : nguyên âm thứ hai thay vì trên nguyên âm thứ nhất thông thường như các vần gồm hai nguyên âm ghép lại.
- Chữ o đứng đầu các vần (oa, oai, oay, oao, ...) được thay thế bằng chữ u khi các vần này đi với q.

Bài học 1 : Giảng thơ, văn - Thơ lục bát - Em yêu tiếng Việt

Thơ lục bát là một thể thơ Việt Nam có câu đầu gồm sáu tiếng và câu tiếp theo tám tiếng, số câu không giới hạn nhưng cuối bài thơ phải kết thúc bằng câu 8.

Em yêu tiếng Việt

Em yêu tiếng Việt thiết tha,
Sắc, huyền, hỏi, ngã . . . thật là du dương.
Àu..., ơ..., tiếng mẹ ru thương,
Dịu hiền như sóng đại dương dạt dào.

Cách gieo vần:

Tiếng cuối của câu 6 vần với tiếng thứ sáu của câu 8, Tiếng cuối của câu 8 vần với tiếng cuối của câu 6 tiếp theo.

Luật bằng trắc :

Luật bằng trắc là những quy định về cách sử dụng tiếng thuộc thanh bằng hay thanh trắc trong thơ lục bát.

Thanh bằng là những tiếng không dấu hoặc có dấu huyền. Thanh trắc là những tiếng có mang dấu sắc, hỏi, ngã, nặng. Trong thơ lục bát, luật bằng trắc được áp dụng như sau:

- câu 6 : **bằng bằng trắc trắc bằng bằng**
- câu 8 : **bằng bằng trắc trắc bằng bằng trắc bằng**

Ngoại lệ:

Luật bằng trắc chỉ bắt buộc phải giữ khi áp dụng cho các tiếng thứ hai, thứ tư, thứ sáu (các tiếng mang số chẵn trong câu), còn các tiếng thứ nhất, thứ ba, thứ năm có thể dùng bằng hay trắc cũng được.

Bài tập:

1. Tìm ra những tiếng cùng vần trong các câu của bài ca dao trên đây .:
2. Ghi chữ « B » dưới các tiếng vần bằng và chữ « T » dưới các tiếng vần trắc.

Hôm qua tát nước đầu đình
Bỏ quên cái áo trên cành hoa sen
Em được thì cho anh xin
Hay là em để làm tin trong nhà?
Áo anh sứt chỉ đường tà
Vợ anh chưa có, mẹ già chưa khâu
Áo anh sứt chỉ đã lâu
Mai mượn cô ấy về khâu cho cùng.
Khâu rồi anh sẽ trả công
Đến lúc có chồng anh lại giúp chọ
Giúp em một thúng xôi vò
Một con lợn béo, một vò rượu tăm.
Giúp cho đôi chiếu em nằm
Đôi chăn em đắp, đôi tằm em đeo
Giúp em quan tám tiền cheo
Quan năm tiền cưới lại đèo bông cau

Bài học 2 : Luyện chính tả - Đạo Làm Con

Bảng vần ở hai trang 3 et 4 giúp học ôn các vần, các phụ âm đầu, đánh dấu để viết đúng.

Chép lại và thêm dấu

Đạo Làm Con

Trưng rông lai nơ ra rông,
 Hat thông lai moc cây thông rươm ra.
 Co cha me mơi co ta,
 Nên người cung bời me cha vun trồng.
 Khôn ngoan như ăm cha ông,
 Lam nên phai đoai tô tông phụng thờ.
 Đạo lam con chơ hưng hơ,
 Phai đem hiếu kính ma thơ từ nghiêm.

Giải nghĩa :

- Âm: phúc lành, điều tốt
- Đoái: tưởng nhớ đến
- Tổ tông: tổ tiên, những người thuộc thế hệ đầu tiên của một dòng họ
- Hững hờ: thờ ơ, không quan tâm
- Hiếu kính: hiếu thảo, kính trọng cha mẹ
- Từ nghiêm: cha mẹ

Tập làm văn:

Viết ý chính của bài ca dao « Đạo làm con » bằng văn xuôi.

Nhạc: Tình ca Tiếng Nước tôi

Tôi yêu tiếng nước tôi ! Từ khi mới ra đời !
 Người ơi ! mẹ hiền ru những câu xa vời
 À à ơi ! Tiếng ru muôn đời

Tiếng nước tôi !
 Bốn ngàn năm ròng rã buồn vui
 Khóc cười theo mệnh nước nổi trôi ! Nước ơi !

Tiếng nước tôi !
 Tiếng mẹ sinh từ lúc nằm nôi,
 Thoắt ngàn năm thành tiếng lòng tôi ! Nước ơi !

Tôi yêu tiếng ngang trời,
 những câu hò giã hờn không nguôi !
 Nhớ nhung hoài mảnh tình xa xôi,
 biết tin vào mộng đẹp ngày mai.

Bài nhạc này của cố nhạc sĩ Phạm Duy. Ông đã viết những lời nhạc thật đẹp, thật thơ, gói trọn tâm tình của ông cũng như của tất cả những người con dân nước Việt luôn trân quý và dành những tình cảm sâu lắng nhất cho tổ quốc, và nhất là dành riêng cho tiếng nói của dân tộc, tiếng nói của quê hương.

Bài đọc thêm

Công cha nghĩa mẹ sinh thành

Chuyện đời lắm lúc trở trêu
Đau thương vì bởi chữ nghèo trong ta
Dù sao cũng nhớ mẹ già
Dày công chăm sóc thiết tha nghĩa tình.

Cha là ánh sáng bình minh
Mẹ như trăng sáng lung linh đêm tàn
Cho con cuộc sống huy hoàng
Với bao mơ ước ngập tràn yêu thương.

Dẫu con luôn sống tha phương
Vẫn luôn ghi nhớ đoạn trường mẹ qua
Biển trời rộng lớn bao la
Nhưng không sánh nổi nghĩa cha cao vời.

Mẹ ơi con đã cạn lời
Mong sao chữ hiếu một đời xứng danh
Cảm ơn cha đã chân thành
Cho con cuộc sống trong xanh với đời.

Bài học 3 : Người Việt Ngày Nay

Trong chuyến viếng thăm Việt Nam, tổng thống Hoa Kỳ William Jefferson Clinton đã đọc diễn văn tại trường Đại Học Quốc Gia tại Hà Nội ngày 17 tháng 11 năm 2000. Trong đó ông đã nêu lên những đức tính và khả năng của người Việt Nam như sau:

Chúng tôi tin rằng nhân dân Việt Nam có tài năng để thành công trong thời đại toàn cầu mới mẻ này như họ đã thành công trong quá khứ. Chúng tôi biết điều này vì chúng tôi đã chứng kiến tài năng và tính thông minh tháo vát của người Việt định cư ở Mỹ. Người Mỹ gốc Việt đã trở thành các viên chức dân cử, chánh án, những người lãnh đạo trong các lãnh vực khoa học và trong các ngành công nghệ kĩ thuật cao của chúng tôi. Năm ngoái, một người Mỹ gốc Việt đã có một sáng kiến toán học giúp cho việc thực hiện kĩ thuật điện thoại có hình ảnh được dễ dàng hơn. Và toàn thể nước Mỹ đều chú ý khi Hoàng Như Trần tốt nghiệp thủ khoa trường Võ Bị Không Quân Hoa Kỳ...".

Chúng ta vui mừng và tự hào khi được một vị nguyên thủ quốc gia hùng mạnh nhất thế giới ca ngợi. Người Việt chúng ta hãy học hỏi và cố gắng vươn lên để đạt được thành quả tốt đẹp hơn nữa trong tương lai.

Giải nghĩa :

- Toàn cầu : toàn thể giới.
- Thời đại toàn cầu : thời kì mà các nước có sự liên lạc chặt chẽ trên nhiều phương diện.
- Tháo vát : khả năng giải quyết nhanh những việc khó khăn.
- Viên chức dân cử : người làm việc trong chính quyền do dân bầu ra.
- Chánh án : người đứng đầu trong tòa án chịu trách nhiệm xử kiện.
- Lãnh vực : phạm vi, công việc riêng của một ngành, nghề.
- Sáng kiến : tìm ra điều mới mà chưa ai biết.
- Thủ khoa : người đỗ đầu khoá thi.
- Nguyên thủ quốc gia : người đứng đầu một nước.

Câu hỏi & thảo luận :

Thầy cô chia học sinh ra nhiều toán để trao đổi ý tưởng theo các câu hỏi sau :

- 1- Vì sao tổng thống Clinton tin rằng người Việt sẽ thành công ?
- 2- Người Pháp gốc Việt đã thực sự thành công hay không ? Tại sao ?
- 3- Em nghĩ sao về chính mình, là người Việt hay là người Pháp ?

Bài học 4 : Văn phạm & Ngữ vựng - Cấu trúc các câu đơn giản

A - Câu xác định (phrase affirmative)

Để làm thành câu xác định, phải có ít nhất chủ từ và động từ. Chủ từ đứng trước, kế tiếp là động từ, rồi đến túc từ (complément).

Thí dụ :

- 1- Tôi / ngủ. (Chủ từ / động từ)
- 2- Tôi / ngủ / trong phòng. (Chủ từ / động từ / túc từ)
- 3- Em tôi / chơi / nhảy dây. (chủ từ / động từ / trực tiếp túc từ)
- 4- Tôi / gửi / thư /cho bạn tôi (chủ từ / động từ / trực tiếp túc từ / gián tiếp túc từ) Nhận xét: tiếng việt cũng giống tiếng pháp :
 - Đầu câu phải viết hoa và cuối câu có dấu chấm.
 - Các danh từ riêng (noms propres) trong câu luôn được viết hoa.

B - Câu phủ định (phrase négative)

- Thông thường, trong câu phủ định, người ta đặt 1 trạng từ phủ định (adverbe) giữa chủ từ và động từ : **không, chẳng, chưa, chỉ**

Thí dụ :

- 1- Tôi **không** xem phim. (**Ne ... pas**)
- 2- Tôi **chẳng** xem phim. (**Ne ... pas (négation renforcée)**)
- 3- Tôi **chưa** xem phim này. (**Ne ... pas encore**)
- 4- Tôi **chỉ** xem phim gián điệp. (**Ne ... que (négation restrictive)**)
- 5- Tôi **chưa bao giờ** xem phim tình cảm. (**Ne ... jamais**) (je ne l'ai jamais regardé)
Tôi **không bao giờ** xem phim ma (je ne le regarderai jamais)

Để nhấn mạnh, người ta có thể thêm vào câu phủ định 1 từ cuối câu đầu

Thí dụ :

Ne ... pas du tout : Con **không** đi xem phim **đâu**.
hoặc : Con **chẳng** đi xem phim **đâu**.

- Khi câu có phiếm chỉ đại danh từ (pronom impersonnel) : ai ; người nào ; cái gì ; cái nào , các trạng từ phủ định sẽ đứng đầu câu.

Thí dụ :

Không ai làm việc **đâu**.
Chẳng người nào tình nguyện đi tưới cây.
Chẳng cái gì rẻ **đâu**.

C - Câu nghi vấn (phrase interrogative)

Nhận xét chung :

- Cuối câu nghi vấn có dấu chấm hỏi ?
- Thứ tự trong câu nghi vấn, so với câu xác định, không thay đổi (chủ từ / động từ / túc từ)
- Để làm câu nghi vấn, người ta thêm các trạng từ nghi vấn vào đầu câu hoặc cuối câu.

Các trạng từ nghi vấn, được đặt ở cuối câu, gồm có : **(có) ... không ; phải không** (= có phải không), **(đã) ... chưa, hả** (hỉ = hử = hờ = héng (hein)), **chăng, à, nhỉ**.

Thí dụ :

1. Em (có) xem phim kiếm hiệp không ?
2. Các phim khoa học giả tưởng được hâm mộ chẳng ? (tôi ao ước điều này : je le doute)
3. Các phim khoa học giả tưởng được hâm mộ lắm, phải không ? (nhấn mạnh: reinforcement)
4. Em mới 10 tuổi mà em xem phim cấm trẻ em à ? (sự ngạc nhiên : étonnement)
5. Cuốn phim này hay nhỉ ? (muốn sự đồng ý của người đối thoại : invitation à dire oui)

Các trạng từ nghi vấn sau đây thường được đặt ở cuối câu ; trừ các trạng từ « sao, vì sao, làm sao, tại sao » được đặt ở cuối câu :

- T.T. chỉ nguyên nhân : Tại sao = vì sao = sao = làm sao : pourquoi (conjonction du Complément Circonstanciel de cause)
- T.T. chỉ thời gian : Khi nào = lúc nào = bao giờ (c. C.C. de temps)
- T.T. chỉ thời gian : Bao lâu = bao nhiêu lâu = mấy danh từ chỉ thời gian (giờ, phút, giờ, ngày , tháng, năm) : combien de temps (c.C.C. de temps)
- T.T. chỉ nơi chốn : Đâu = ở đâu = chỗ nào = nơi nào : où (c. C.C de lieu)
- T.T. chỉ phương tiện : Thế nào = làm thế nào : comment (c.C.C. de manière) Các trạng từ nghi vấn đại danh từ : ai ; người nào ; cái gì = cái nào= vật gì ; chuyện gì, không thay đổi vị trí so với các câu xác định.

Thí dụ :

1. Ai làm bể bình hoa ? - Không có ai, chẳng ai làm bể. (ai = chủ từ)
2. Bác là ai ? - Bác là mẹ của Hoa. (ai = túc từ)
3. Anh đang làm gì (= cái gì) ? - Anh làm 1 chuyện bí mật (gì = đối từ)
4. Chuyện gì đã xảy ra ? (chuyện gì = chủ từ)

Bài tập:

Mỗi học sinh viết :

A - 1 câu xác định.

B - 5 câu phủ định sử dụng các trạng từ phủ định khác nhau.

C - 3 câu nghi vấn sử dụng các trạng từ nghi vấn khác nhau.

Bài học 5 : Tiếng Việt và chữ Việt

Tiếng Việt có trầm có bổng, có ngắn có dài, du dương, nói như hát, là loại tiếng nói riêng biệt, có từ thuở lập quốc. Trong quá trình phát triển, tiếng Việt đã thu nhận nhiều từ Hán (tiếng Trung Hoa), được gọi là từ Hán-Việt. Tiếp theo, từ cuối thế kỷ thứ XIX đến nay, đã việt hoá một số lớn những từ khoa học kĩ thuật của ngôn ngữ Tây Phương. Thuở ban đầu, chúng ta đã có chữ viết riêng gọi là chữ Khoa Đẩu. Tới thời Bắc thuộc, chữ Hán là chữ viết chính thức. Sau khi lấy lại độc lập từ thế kỉ thứ X, ta đã sáng tạo ra chữ Nôm, dùng song hành với chữ Hán. Sang thế kỉ thứ XVII, khi các nhà truyền giáo phương Tây vào truyền đạo Công giáo đã dựa trên kí tự La-Tinh để kí âm tiếng Việt. Đây là cơ sở cho sự ra đời của chữ Quốc Ngữ hiện nay.

Giải nghĩa :

- Quá trình :
- chữ Khoa Đẩu :
- chữ Nôm :
- Kí tự :
- Kí âm :
- Song hành :
- trầm :
- bổng :
- du dương :
- chính thức :
- cơ sở :
- khoa học kĩ thuật :

Câu hỏi :

1. Chữ Nôm ra đời vào thế kỉ thứ mấy ?
2. Trong thời Bắc thuộc, chữ chính thức là chữ nào ?
3. Chữ Quốc Ngữ có từ khi nào ?
4. Tiếng Việt có bao nhiêu dấu ?
5. Tiếng việt có bao nhiêu thanh ?

Bài học 6 : Phong tục cổ truyền và nét đẹp ngày Tết Việt Nam

Bích Ngân (trích từ Trí Thức Việt Nam – 26/01/2017)

Mỗi học sinh(hoặc nhóm hai người) tìm hiểu trước một phần của bài học, rồi trình bày cho cả lớp biết.

Với vai trò là dịp lễ quan trọng nhất trong văn hóa Việt Nam, Tết Nguyên Đán vẫn mang trọn những nét đẹp truyền thống dù trải qua biết bao năm tháng.

Đối với người dân đất Việt, Tết không chỉ là dịp để quây quần sum họp bên gia đình, mà còn là thời điểm để bảo tồn bản sắc dân tộc qua việc duy trì những phong tục cổ truyền. Tùy theo mỗi vùng miền, hoặc theo những quan niệm về tôn giáo của người Việt, các phong tục tập quán ở từng địa phương thường có chút khác biệt.

Nhưng xét về tổng thể, điểm chung của phong tục ngày Tết chính là được phân làm ba khoảng thời gian : **Tất niên, Giao thừa và Tân niên**. Mỗi khoảng thời gian ứng với những sự chuẩn bị, ứng với những lễ nghi hay ứng với những hình thức thể hiện khác nhau. Với vai trò là dịp lễ quan trọng nhất trong văn hóa Việt Nam, Tết Nguyên Đán vẫn mang trọn những nét đẹp truyền thống dù trải qua biết bao năm tháng.

Tiến ông Công công Táo về trời

Cứ đến ngày 23 tháng Chạp, các gia đình Việt Nam sẽ dọn dẹp sạch sẽ nhà bếp để cúng ông Công, ông Táo. Lễ cúng truyền thống phải có cá vàng để tiễn ông về trời, mong ông sẽ báo cáo với Ngọc Hoàng những điều tốt vì theo quan niệm dân gian, đây là ngày mà Ngọc Hoàng sẽ trách phạt hay thưởng gia chủ dựa trên những gì mà ông Táo báo cáo.



Dọn dẹp nhà cửa

Công việc dọn dẹp ngày Tết có ý nghĩa là để chuẩn bị “tiễn năm cũ, đón năm mới”. Trong ngày này, tất cả đồ đạc trong nhà sẽ được đem ra chùi rửa thật sạch sẽ, chén bát mới sẽ được chuẩn bị sẵn cho mâm cỗ ngày tết, các vật dụng trưng bày cũng được đem ra bày biện trang hoàng cho nhà cửa trông mới mẻ hơn.

Ngoài ra đây cũng là lúc chúng ta xem lại các món nợ cần phải trả, nếu có đủ khả năng thì buộc phải trả trước Tết, không nên để qua năm mới.

Đi chợ tết

Người xưa đi chợ Tết chủ yếu là để mua lá dong, mua thịt, mua hành gói bánh chưng. Người Việt còn có thú chơi hoa và bày mâm ngũ quả ngày Tết.

Các loài hoa ưa chuộng không thể thiếu ngày Tết đó là hoa đào, hoa mai, hoa hải đường, thược dược, ...



Mâm ngũ quả thì tùy thuộc vào vùng miền mà có các loại quả khác nhau. Tất cả đều mang ý nghĩa: vạn sự như ý, an khang thịnh vượng, phúc lộc tràn đầy, ...



Xin chữ

Khi đi chợ Tết, người ta cũng không quên qua cổng chợ xin chữ thầy đồ, có thể là câu đối hoặc một chữ duy nhất. Người xưa thường xin chữ về thờ với mong muốn con cháu được học con chữ mà thành người. Những chữ được yêu thích nhất thường là chữ Tâm, Phúc, Đức, An, Lộc, ...

Thăm mộ tổ tiên

Trước Tết, con cháu trong gia tộc sẽ tranh thủ tề tựu đông đủ, cùng nhau đi thăm và quét dọn mộ mã tổ tiên. Mỗi gia đình đều đem theo hương đèn, hoa quả để cúng, mời vong linh tổ tiên về ăn Tết với con cháu, cùng nhau ôn lại những kỉ niệm của năm cũ, ước mong những điều tốt lành cho năm mới sắp đến.

Gói bánh chưng, bánh tét

Bánh chưng là một phong tục có từ nền văn minh lúa nếp đời vua Hùng Vương thứ 18. Ngày nay, vào tầm 28 – 29 Tết, các gia đình Việt Nam thường tụ tập gói bánh chưng, bánh tét để làm quà biếu Tết hoặc để thưởng thức trong gia đình. Phải là người có bàn tay vô cùng khéo léo mới có thể gói bánh thật đẹp và thật chặt, nếu không bánh sẽ nứt và thấm nước, gây nhão bánh.



Cúng giao thừa

Cúng giao thừa thường phải làm hai lễ, một lễ cúng trong nhà và một lễ cúng ngoài trời. Sở dĩ người Việt Nam làm lễ cúng giao thừa vì niềm tin rằng: Một năm bắt đầu, ắt phải có kết thúc. Ý nghĩa của buổi lễ cũng là: bỏ hết đi những ân oán năm cũ, nghinh đón năm mới đến với tài lộc và những điều tốt đẹp. Mâm cúng giao thừa không cần thịnh soạn, với ý nghĩa tiễn năm cũ đón năm mới.

Hái lộc

Sau khi cúng giao thừa, người dân Việt Nam sẽ chọn giờ tốt để xuất hành và đi hái lộc, với mong ước một năm mới luôn may mắn và viên mãn, rước lộc về nhà.





Đi lễ chùa đầu năm

Đi lễ chùa đầu năm không đơn giản để ước nguyện mà đó còn là thời gian để mọi người tìm về với chốn tâm linh sau những ngày tháng vất vả mu sinh, mong tìm được sự bình an, gạt bỏ đi những muộn phiền, lo âu của năm cũ. Người đi lễ phải ăn vận chỉnh tề, phù hợp với chốn tôn nghiêm.

Người công giáo cũng vậy, tuy không đi chùa nhưng thường đến nhà thờ dự thánh lễ Giao Thừa (đêm 30 Tết) và lễ Minh niên (sáng mùng 1 Tết).

Xông đất

Người Việt quan niệm rằng, người xông đất sẽ quyết định cả một năm vui vẻ, phát đạt hay không may mắn của mình. Vì thế, họ thường mời những người có vận may, có tuổi hợp với chủ nhà đến xông đất. Người xông đất phải ăn mặc chỉnh tề, sau đó phải đi hết một vòng quanh nhà với hi vọng may mắn sẽ luôn tràn ngập khắp nhà gia chủ.

Người đến xông đất phải đi trọn một vòng quanh nhà với mong muốn phúc lộc tràn đầy.



Chúc Tết

Có thể nói, chúc tết là nét văn hóa vô cùng độc đáo và không thể thiếu trong ngày Tết. Khi đi chúc tết, ai nấy đều mặc đồ đẹp, thường là chọn màu đỏ mang ý nghĩa may mắn, và mang theo quà cáp để mừng cho gia chủ.

Văn hóa ngày Tết của người Việt còn có câu : “Mùng một lễ cha, mùng hai lễ mẹ, mùng ba lễ thầy”. Cha tượng trưng cho bên nội, mẹ là bên ngoại, còn thầy đại diện cho những người đã giúp cho ta hiểu biết.

Mừng tuổi

Ngày Tết, người Việt Nam có phong tục lì xì cho trẻ em với mong ước các em vui vẻ, hạnh phúc và chăm ngoan học giỏi. Phong bao lì xì màu đỏ cũng tượng trưng cho sự may mắn, phúc lộc an khang. Trong văn hóa Trung Hoa, ai chưa lập gia đình sẽ vẫn được coi là trẻ em và được phép nhận phong bao lì xì.

Nhận xét :

Phong tục ngày tết không phải là hình thức, mà chúng đề cao vẻ đẹp của tâm hồn, vẻ đẹp cội nguồn văn hoá của dân tộc Việt.

Dù xa quê hương, những người con đất Việt vẫn không quên đi cội nguồn, mỗi ngày đều góp phần xây dựng và bảo trì nền văn hóa truyền thống đẹp đẽ.

Giải nghĩa :

- Phong tục : thói quen, tục lệ đã ăn sâu vào đời sống xã hội
- Thuần phong : những phong tục tốt
- Khai : mở đầu
- Tống cựu : tiễn cái cũ
- Nghênh tân : đón cái mới
- Giao thừa : 12 giờ đêm ba mươi Tết; thời khắc năm âm lịch cũ qua, năm âm lịch mới đến
- Tài : khả năng đặc biệt, sự thành thạo trong một công việc nào đó
- Phát tài : kiếm được nhiều tiền, làm ăn khá giả
- Phúc : điều mang lại những sự tốt lành về mặt tinh thần, tình cảm
- Lộc : của trời ban cho, cành lá non
- Thọ : sống lâu
- Truyền thống : cách suy nghĩ, cư xử, lối sống được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác

Trao đổi :

Bài này tương đối dài nhưng không khó hiểu. Có thể làm vào dịp Tết để giải thích cụ thể những biến chuyển trong sinh hoạt cộng đồng.

1. Gia đình em chuẩn bị Tết như thế nào ? Nêu ra những gì tương tự như trong bài viết.
2. Em đã từng ăn Tết tại Việt Nam chưa ? Nếu có thì cho biết cảm nghĩ.
3. Giáo xứ Việt Nam Paris thường cũng có những sinh hoạt mừng Xuân. Em có thể kể ra. Em đã từng tham gia những sinh hoạt đó hay chưa ? Nếu có, hãy kể lại.

Chính tả :

Có thể chọn 1 đoạn văn trong bài.

Tập viết văn :

Em nhớ gì về ngày Tết khi còn bé. So với hiện nay, những suy nghĩ, tình cảm của em chắc chắn có nhiều thay đổi đối với việc mừng Xuân.

Hãy viết lên suy nghĩ của em (< 10 câu).

Bài học 7 : Tôn giáo

Đối với người Việt, phong tục thờ cúng tổ tiên gần như trở thành một thể tôn giáo, được gọi nôm na là đạo «Thờ Cúng Ông Bà», chiếm đại đa số trong tổng số hơn 93 triệu dân nước ta (theo thống kê 2016). Vì là phong tục, không hệ thống hoá, nên người theo đạo «Thờ Cúng Ông Bà» vẫn có thể song song đó, gia nhập một đạo giáo khác. Phật giáo đến nước ta từ thế kỉ thứ VI, là đạo giáo có tầm ảnh hưởng lớn trong văn hoá Việt Nam. Kế tiếp là Công Giáo, được truyền vào nước ta từ thế kỉ thứ XVI. Hiện nay với hơn bảy triệu giáo dân, Việt Nam là quốc gia có tỉ lệ tín đồ Công Giáo xếp thứ ba ở châu Á, sau Đông Timor và Phi Luật Tân. Vào năm 1926, đạo Cao Đài được khai lập tại Việt Nam. Có khoảng 1 triệu tín đồ. Đạo Hoà Hảo, còn gọi là Phật Giáo Hoà Hảo là một tông phái Phật Giáo, thành lập từ năm 1939. Ước tính khoảng gần hai triệu tín đồ. Tín đồ Hoà Hảo, cũng như Cao Đài, tập trung chủ yếu ở miền Tây Nam phần. Vào năm 1926, Cao Đài Giáo được khai lập tại Việt Nam, đến nay có khoảng một triệu tín đồ.

Đạo Hoà Hảo, còn gọi là Phật Giáo Hoà Hảo là một tông phái Phật Giáo, thành lập từ năm 1939. Ước tính khoảng gần hai triệu tín đồ. Tín đồ Hoà Hảo, cũng như Cao Đài, tập trung chủ yếu ở miền Tây Nam phần.

Giải nghĩa :

Phong tục : những hoạt động sinh sống được hình thành và ổn định thành nề nếp, được cộng đồng thừa nhận, truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Tôn giáo : niềm tin vào siêu nhiên, cùng với những đạo lí, lễ nghi, tục lệ và tổ chức liên quan đến niềm tin đó.

Tỉ lệ : tỉ số các phần của một tổng thể (%)

Hệ thống hoá: sắp xếp những phần tử có tính độc lập và chức năng riêng thành một chuỗi tương quan có quy luật nhất định.

Câu hỏi:

1- Kể tên những tôn giáo được nói đến trong bài học.

.....

2- Công Giáo ở nước ta có bao nhiêu giáo dân ?

.....

3- Công Giáo đến với dân ta từ thế kỉ mấy ?

.....

4- Tính theo tỉ lệ dân số, nước ta có số giáo dân đứng hàng thứ mấy ở châu Á ?

.....

Bài học 8 : Văn phạm & Ngữ vựng - Phụ từ Mà

1- **MÀ dẫn đầu một mệnh đề chỉ định** (déterminatif), có phận sự nhấn mạnh chủ từ hay túc từ của mệnh đề chính.

Thí dụ :

- Tôi hiện đang ở trong ngôi nhà mà ba tôi đã xây.
- Ba tôi đã xây ngôi nhà mà hiện nay tôi đang cư ngụ.

2- **MÀ chi phối mệnh đề điều kiện** (condition) thì chủ từ của mệnh đề điều kiện thường đứng trước **MÀ**.

Thí dụ :

- Nó **mà** chơi máy vi tính nhiều, sẽ phải đeo kính. (= **Nếu** nó chơi máy vi tính nhiều, **thì** sẽ phải đeo kính).

Trong hai trường hợp kể trên 1-, 2-, không bắt buộc phải dùng chữ **MÀ.**

- Tôi hiện đang ở trong ngôi ~~mà~~ nhà ba tôi đã xây.
- Ba tôi đã xây ngôi nhà ~~mà~~ hiện nay tôi đang cư ngụ.
- Nó ~~mà~~ chơi máy vi tính nhiều, sẽ phải đeo kính.

Ngược lại, bắt buộc phải dùng từ **MÀ trong những trường hợp sau đây.**

3- **MÀ dẫn đầu một mệnh đề hiệu quả** (résultat):
Mệnh đề hiệu quả luôn đứng sau mệnh đề chính.

Thí dụ :

- Nó ham chơi mà quên ăn (= Nó ham chơi đến nỗi quên ăn =Nó ham chơi nên quên ăn)

4- **MÀ dẫn đầu một mệnh đề mục đích** (but) :

Chủ từ của mệnh đề mục đích cũng là một với chủ từ của mệnh đề chính. Mệnh đề mục đích luôn đứng sau mệnh đề chính.

Thí dụ:

- Hãy bật đèn lên **mà** đọc sách ! (= Hãy bật đèn lên **để** mà đọc sách !

5- **MÀ dẫn đầu mệnh đề đối lập** (opposition) :

Thí dụ:

- Nước Việt Nam tuy nhỏ mà anh hùng.

6- **MÀ còn được dùng trong câu phủ định** (négation) :

Thí dụ :

- Cái này mà đẹp gì. (= Cái này đâu có đẹp).

BÀI TẬP :

Xếp lại câu hoàn chỉnh và dịch những câu sau đây sang tiếng pháp.

1- quyền / mà / Đây là / cần / tự diễn / tôi

.....

2- học sinh / Đó là / trẻ / phụ trách. / những / mà / tôi

.....

3- to / không / sửa / cần. / này / Con chó / mà

.....

4- thành quả / mà / tốt / Đó là / anh ta / hài lòng. / một / rất

.....

5- xe / lấy / Hãy / buýt / đi. / mà

.....

6- hát / gì. / hay / Ca sĩ / mà / đó

.....

7- Chúng tôi / mà / đi theo / không / một hướng / đúng. / chắc / là / chúng tôi

.....

8- xem phim / Nó / mà / ham / giờ giấc. / quên

.....

9- hút bụi / tôi / Máy / vẫn dùng / mà / không / nữa. / thường xuyên, / chạy

.....

10- đã gặp / Ngày hôm qua, / một người / tôi / mà / đàn ông / đã quên / tôi / trẻ tuổi / mất tên.

.....

Bài học 9 : Địa lí Việt Nam - Hải đảo Việt Nam

Nước Việt Nam có rất nhiều hải đảo. Sau đây là vài hải đảo thường được nói đến:

- **Cát Bà:** là một quần đảo có tới 366 đảo lớn, nhỏ. Đảo chính là Cát Bà rộng 100 km² cách cảng Hải Phòng 30 hải lí. Quần đảo tiếp nối với vịnh Hạ Long có nhiều hang động làm du khách say mê. Rừng trên các đảo có các loài cây thuốc và cây quý, có voọc đầu trắng, khỉ vàng, sơn dương và nhiều loại chim đẹp. Diện tích được bảo vệ trên quần đảo là 15.200 ha.
- **Côn Đảo (hay Côn Sơn):** cách Vũng Tàu 179 hải lí, quần đảo có hình dạng như một con gấu đang vươn mình giữa biển bao gồm 16 hòn đảo với diện tích là 72 km². Côn Đảo là khu nghỉ mát lí tưởng với các bãi biển đẹp cho khách du lịch và những người thích bơi lội từ tháng 3 đến tháng 6.
- **Phú Quốc:** là đảo lớn nhất Việt Nam nằm trong vịnh Thái Lan và cách Hà Tiên 45 km với diện tích 573 km². Dân cư sống trên đảo khoảng 45.000 người. Tại đây ngoài đồi núi, còn có đồng bằng, rừng thiên nhiên với nhiều loại gỗ quý và chim muông. Viền quanh đảo là các bãi biển đẹp, du khách có thể tắm biển, tắm suối, leo núi, vào hang, lên rừng để thưởng ngoạn cảnh thiên nhiên hoang dã. Dân cư sống trên đảo đa số sống về nghề đánh cá và nghề làm nước mắm. Nước mắm Phú Quốc nổi tiếng với hương vị ngọt thơm được chế biến từ loại cá cơm đặc biệt.
- **Quần đảo Hoàng Sa :** diện tích 305km², cách đất liền 170 hải lí. Trên phương diện hành chính, quần đảo Hoàng Sa phụ thuộc thành phố Đà Nẵng.
- **Quần đảo Trường Sa :** thuộc tỉnh Khánh Hoà, gồm hơn 100 đảo và rạn đá ngầm trải dài 800 km từ tây sang đông và 600 km từ bắc xuống nam, cách Cam Ranh 248 hải lí và cách Vũng Tàu 305 hải lí. Tổng diện tích các đảo nổi rất nhỏ, chỉ khoảng 5km² đến 10 km². Những ngư dân người Việt đã được xác nhận là những dân cư đầu tiên tại Hoàng Sa. Từ đầu thế kỉ XVII, các chúa Nguyễn đã cho tổ chức khai thác trên các đảo. Năm 1812, vua Gia Long chính thức chiếm hữu quần đảo.

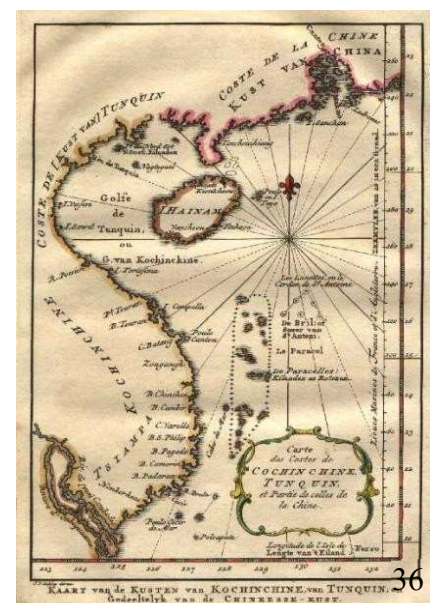
bản đồ Biển Đông do người Hà Lan vẽ năm 1754

Giải nghĩa:

- Hải lí : đơn vị đo lường trên biển, dài 1852 m
- Voọc đầu trắng : một loại thú quý hiếm trên thế giới, giống khỉ lông đen, đầu và vai có lông trắng
- Sơn dương: một loại thú quý hiếm còn gọi là dê rừng
- Thưởng ngoạn : ngắm cảnh để thưởng thức
- Hoang dã : nơi đất đai để hoang, ít người đi lại

Câu hỏi:

1. Cát Bà có giống thú gì đặc biệt ?
2. Cư dân trên đảo Phú Quốc thường làm nghề gì?
3. Tại sao quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền nước Việt Nam ?



Bài học 10 : Cố đô Huế (+ Bản đồ hành chính Việt Nam)

Huế từ xa xưa đã được các chúa Nguyễn chọn làm thủ phủ của xứ "Đàng Trong", sau đó trở thành kinh đô của miền đất do vua Quang Trung Nguyễn Huệ cai quản trước khi ông lên ngôi hoàng đế. Nằm ở bờ bắc sông Hương, toàn thể kiến trúc của cố đô Huế được xây dựng trên một diện tích hơn 500 hectare đất. Ba vòng thành theo thứ tự từ ngoài vào trong gồm có : Kinh Thành, Hoàng Thành và Tử Cấm Thành.

Sau khi thống nhất nước Việt, Vua Gia Long chính thức đặt Huế làm thủ đô. Kinh Thành được vua Gia Long xây dựng từ năm 1805, sau đó được vua Minh Mạng tiếp tục và hoàn thành vào năm 1832. Tại đó, các vua triều Nguyễn đã cho xây dựng khá nhiều thành quách, cung điện và các công trình của hoàng gia.

Hoàng Thành (Đại Nội) nằm ở giữa Kinh Thành là nơi đặt các cơ quan cai trị của chế độ quân chủ và là nơi thờ tự các vua chúa đã quá cố.

Tử Cấm Thành nằm trong Hoàng Thành là nơi dành riêng cho vua và gia đình vua.

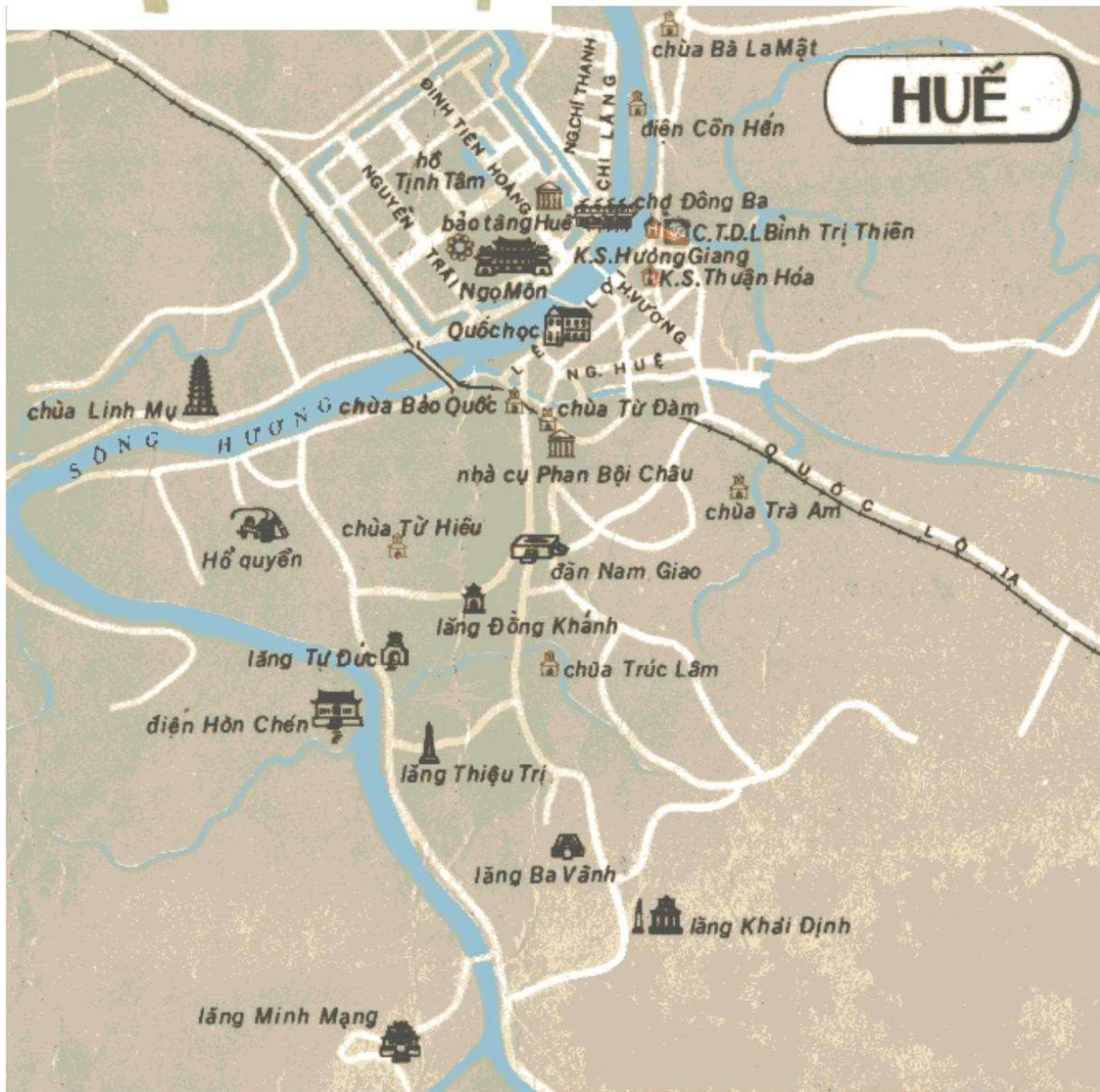
Với các di tích kiến trúc và các thắng cảnh hùng vĩ, cố đô Huế đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới.

Giải nghĩa:

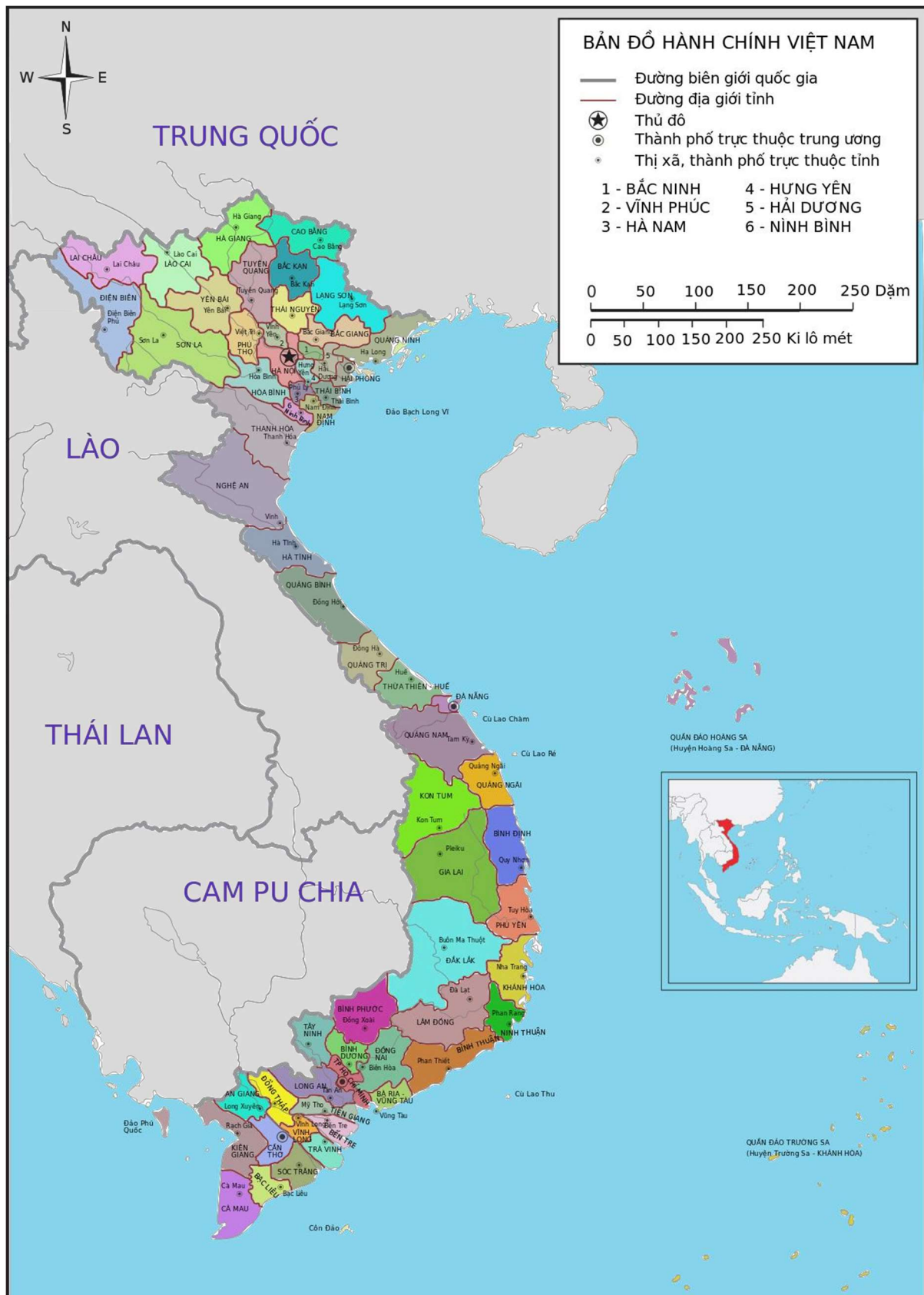
- *Thủ phủ : thành phố quan trọng nhất của một vùng*
- *Đàng Trong : vùng đất phía Nam sông Gianh do chúa Nguyễn cai trị dưới thời Trịnh Nguyễn phân tranh (1558-1772) ; vùng đất phía Bắc sông Gianh là "Đàng Ngoài" do chúa Trịnh cai trị*
- *Hoàng gia : họ hàng nhà vua*
- *Quân chủ : chế độ chính trị có vua đứng đầu*
- *Quá cố : ý nói người đã chết*

Câu hỏi :

1. *Huế được chọn làm kinh đô dưới thời vua nào ?*
2. *Hãy tả Kinh Thành ?*
3. *Hãy tả Hoàng Thành ?*
4. *Hãy tả Tử Cấm Thành ?*
5. *Nếu từ có dịp đến thăm Huế, xin nói lên cảm nghĩ*

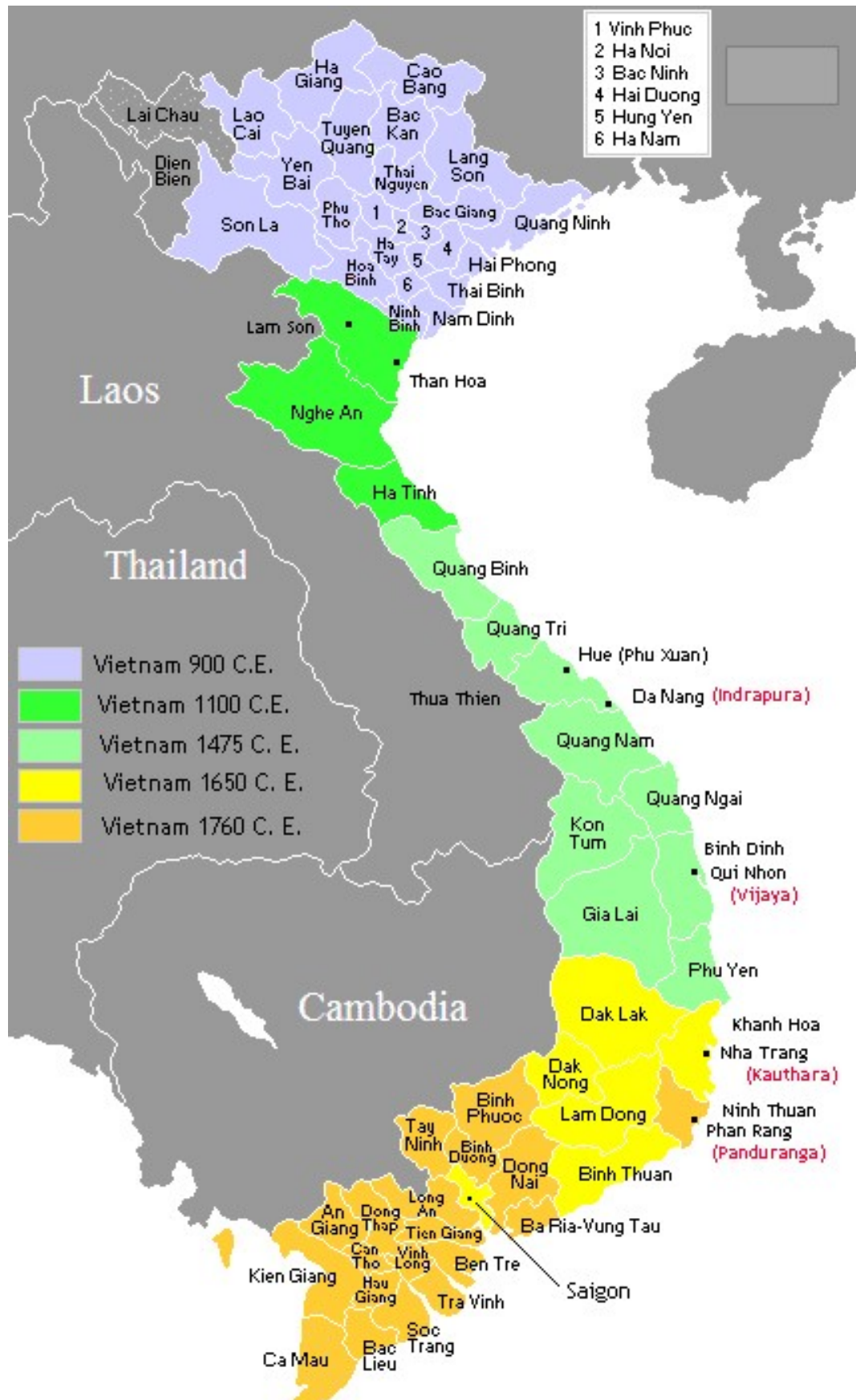


Bản đồ Việt Nam



Lịch sử Việt Nam

Bản đồ Việt Nam - Lãnh thổ Việt Nam qua các triều đại



Niên biểu lịch sử Việt Nam

- 2000 ?				
			Hùng Vương	nước Văn Lang
-400				
-300				
		trước Công Lịch		
		257 - 207	An Dương Vương	nước Âu Lạc
-200		207 - 111	Triệu Đà	nước Nam Việt
-100				
			Bắc thuộc	
0				
		40 - 43	Hai Bà Trưng	đóng đô tại Mê Linh
100			Bắc thuộc	
200				
		248	Bà Triệu	
300			Bắc thuộc	
400				

500				
		544 - 602	Nhà Tiền Lý	nước Vạn Xuân
600			Bắc thuộc	
700				
		722	Mai Hắc Đế	
800		767	Phùng Hưng	
			Bắc thuộc	
			Bắc thuộc	
900				
		939	Ngô Quyền	
		968	Đinh Tiên Hoàng	Đại Cồ Việt
		980	Nhà Tiền Lê	
1000		1010 - 1225	Nhà Hậu Lý	Đại Việt
1100				
1200				
		1225 - 1400	Nhà Trần	
1300				

1400		1400 - 1407	Nhà Hồ	
			Nhà Minh xâm lăng Đại Việt	
		1428	Nhà Hậu Lê	
1500				
		1527	Nhà Mạc	
1600		1592	Trịnh Nguyễn phân tranh	
1700				
		1778	Nhà Tây Sơn	
1800		1802	Nhà Nguyễn	Việt Nam
1900		1884	Pháp thuộc	
		1945	Việt Nam độc lập	
2000				

Bài học 11 : Tóm lược lịch sử Việt Nam

Lịch sử Việt Nam có thể được chia thành 6 giai đoạn :

1. Các vua Hùng dựng nước :

Nước **Văn Lang** bắt đầu cách đây gần 5000 năm (xem bài Trống đồng – di tích văn hoá Lạc Việt). Thời đó thuộc về huyền sử, vì không có sách sử nào ghi lại, nhưng được dân gian kể lại qua các câu chuyện :

- A. Lạc Long Quân và bà Âu Cơ (Lạc Long Quân là Hùng Vương 2)
- B. sự tích trầu cau (thời Hùng Vương 4 ?)
- C. sự tích bánh chưng – bánh dày (thời Hùng Vương 6)
- D. sự tích quả dưa đỏ (thời Hùng Vương 10)
- E. Sơn Tinh - Thủy Tinh (thời Hùng Vương 18)

2. Từ An Dương Vương tới Hai Bà Trưng :

Sách sử có chép rằng năm 257 trước Công Nguyên, An Dương Vương thay Hùng Vương làm vua, đổi tên nước là **Âu Lạc**.

An Dương Vương xây thành Cổ Loa, làm cung nỏ, bắn tên đầu bịt đồng để giữ nước.

Đến năm 207 trước Công Nguyên thì mất nước vào tay Triệu Đà (xem chuyện Mỵ Châu và Trọng Thủy).

Từ năm 40 đến năm 43, nước ta lại được độc lập nhờ Hai Bà Trưng. Trưng Trắc và Trưng Nhị cũng thuộc dòng dõi Hùng Vương.

3. Một ngàn năm Bắc thuộc :

Thật ra thời kì này kéo dài gần 900 năm. Đó là thời kì nước ta bị Trung Hoa (phương Bắc) đô hộ, bắt đầu năm 43 và kéo dài đến năm 938.

Trong suốt 9 thế kỉ, những cuộc khởi nghĩa thường xuyên, chống lại guồng máy thống trị phương Bắc đã nhắc nhở cho người Việt rằng chúng ta là một dân tộc có nguồn gốc và văn hóa khác người Trung Hoa, chúng ta có một lãnh thổ riêng cần được bảo vệ. Những cuộc khởi nghĩa đó đã hun đúc nên tinh thần tự chủ, lòng yêu nước, tình thương giống nòi, niềm tự hào dân tộc.

Năm 938, Ngô Quyền dùng kế đóng cọc nhọn dưới lòng sông Bạch Đằng đánh tan quân Nam Hán, đã mở ra một thời kì độc lập lâu dài cho nước ta.

4. Các triều đại phong kiến :

Đây là thời gian nước ta được độc lập với các triều đại :

968	980	Đinh	: Đinh Bộ Lĩnh cờ lau tập trận
980	1009	Lê	: Lê Đại Hành phá tan quân Tống
1010	1225	Lý	: Lý Thường Kiệt đánh Tống, bình Chiêm
1225	1413	Trần	: Nhà Trần 3 lần đại thắng quân Nguyên
1400	1407	Hồ	: Nhà Hồ mất nước vào tay giặc Minh
1428	1788	Lê	: Lê Lợi đuổi giặc Minh
1527	1667	Mạc	: chúa Trịnh và chúa Nguyễn phò vua Lê đánh nhà Mạc
1778	1802	Tây Sơn	: Nguyễn Huệ đại thắng quân Thanh
1802	1945	Nguyễn	: từ thời này, nước ta mang tên là Việt Nam

5. Thời kì Pháp thuộc :

Từ năm 1886 đến năm 1945, Pháp đô hộ Đông Dương (Indochine) gồm Việt Nam, Lào và Cam-Bốt. Nước ta bị Pháp chia thành Bắc Kì, Trung Kì và Nam Kì.

6. Giai đoạn 1945-1975 :

- ngày 2-9-1945: nước Việt Nam giành được độc lập
- 1945 – 1954 : chiến tranh Việt – Pháp, kết thúc bằng trận đánh Điện Biên Phủ Hiệp định Genève, chia đôi đất nước (lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới) :
 - miền Bắc (thủ đô là Hà Nội) thuộc khối cộng sản
 - miền Nam (thủ đô là Sài Gòn) thuộc khối tự do
- 1954 – 1975: chiến tranh giữa miền Nam (thể chế cộng hòa) và miền Bắc (cộng sản)
- ngày 30-4-1975: cộng sản chiếm miền Nam.
Nước Việt Nam thống nhất, mang tên là Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Nhìn lại lịch sử Việt Nam để nhớ ơn cha ông chúng ta đã dựng nước và giữ nước.
Mỗi người Việt Nam, dù ở trong nước hoặc ngoài nước đều có bổn phận phát triển đất nước, đem lại tự do hạnh phúc cho toàn dân.

Bài học 12 : Lịch sử - Con số 18 kì lạ, dấu ấn của triều đại Hùng vương trên Trống Đồng Đông Sơn

Theo « Việt sử toàn thư » của Phạm Văn Sơn và « Việt Nam sử lược » của Trần Trọng Kim, nhà Hồng Bàng khởi đầu năm 2879 và kết thúc năm 258 trước Tây lịch, truyền được 18 đời vua. Như vậy nhà Hồng Bàng đã trị vì 2621 năm (?) Mỗi đời Hùng Vương kéo dài trung bình 140 năm (?)

Những di tích đáng kể nhất của thời đại Hùng Vương là các trống đồng Đông Sơn. Theo các nhà khảo cổ, những chiếc trống đồng này, tìm thấy tại vùng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, đã được đúc cách đây 2700 năm đến 2200 năm.

Trên nhiều mặt trống, đếm kĩ số lượng chim trong các vành chim bay - loại chim được nhiều nhà nghiên cứu xem là vật tổ của người Việt cổ - thì mỗi vành có đúng 18 chim ! Một điều rất lí thú là: ở vành chim trên mặt trống Sông Đà tìm được trong một bản Mường thuộc tỉnh Hòa Bình, lúc đầu nghệ nhân sơ ý nên chỉ chia vành ra 17 cung bằng nhau, khi khắc trên khuôn đúc đến hình chim thứ 16 thì chỉ còn lại có một đoạn, vì vậy bắt buộc nghệ nhân phải khắc hai hình chim vào đoạn cuối cùng này cho đủ số 18 chim (xem hình mặt trống Sông Đà - musée Guimet – Paris). Nếu không làm như vậy thì vành chỉ đủ chỗ cho 17 chim thôi.



Mặt trống Sông Đà trưng bày tại musée Guimet - Paris

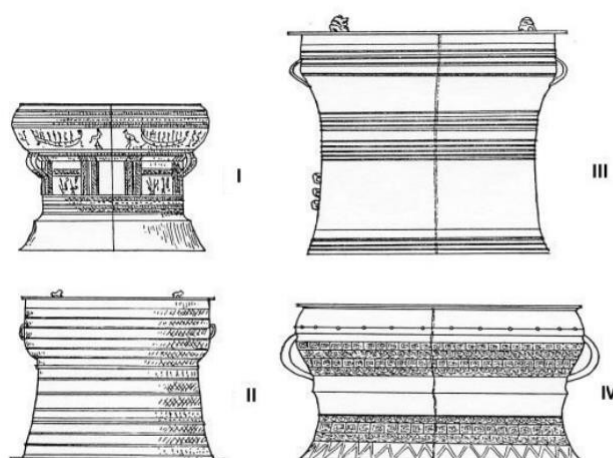
Sự hiện diện của 18 chim vật tổ trên các trống đồng cổ nhất, to nhất, đẹp nhất như trống Ngọc Lũ, trống Sông Đà, trống Khai Hoá là dấu ấn cụ thể, là căn cứ vật chất xác nhận tầm quan trọng của con số 18 đối với người Việt cổ thời đại Hùng Vương dựng nước. Vì những chiếc trống này đã được đúc trước khi vua Hùng cuối cùng mất nước, 18 hình chim vật tổ trên mặt trống không thể tượng trưng cho 18 đời Hùng Vương mà phải mang một ý nghĩa khác.

Có giả thuyết cho rằng đó là 18 dòng họ đầu tiên kết hợp với nhau trong liên minh bộ lạc **Văn Lang**, lấy tổ hợp bộ lạc Chim - Rồng làm nòng cốt.

Theo ông Phan Duy Kha đăng trên «baotanglichsu.vn» : Một số nhà nghiên cứu giải thích rằng, không phải 18 đời vua mà là 18 ngành, trong mỗi ngành như vậy có đến mấy ông vua "nổi dậy" nhau.

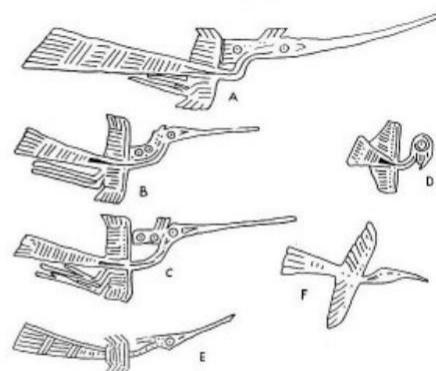
Theo «Việt Nam văn minh sử» của học giả Lê Văn Siêu, mặt trống đồng Ngọc Lũ là một quyển lịch của dân **Lạc Việt**, với chu kì 18 năm (khác với lịch 12 con giáp ta dùng ngày nay). Khi đọc quyển lịch này, người tù trưởng còn biết được quy luật của tuần trăng, của thủy triều để chỉ cho dân chúng làm ruộng hay ra khơi. Để hoàn thành một quyển lịch

chính xác như vậy, người Lạc Việt đã phải quan sát thiên nhiên, nghiên cứu và sửa đổi trong một thời gian dài hàng chục, hàng trăm chu kì (100 x 18 = 1800 năm). Như vậy, người Việt chúng ta tự hào với hơn bốn ngàn năm văn hiến có lẽ cũng không sai.



Các kiểu trống đồng I-II-III-IV

Trống Ngọc Lũ thuộc kiểu



Oiseaux en vol. A. Tambour de Hoành Hạp ; B. C. D. Tambour de Ngọc Lũ
E. Tambour de Quảng Xương ; F. Tambour de Phnom-Penh
(theo L. Bezacier)

Hình chim trên mặt trống



Hình thuyền và người trên tang trống

Giải nghĩa :

- Di tích : những gì của thời xưa, còn tồn tại tới ngày nay
- Khảo cổ: nghiên cứu về quá khứ
- Nghiên cứu: suy nghĩ, tìm tòi (recherche)
- Nghệ nhân : người có tài nghệ cao về thủ công mỹ thuật (artisan)

CÂU HỎI :

1. Trống đồng tìm được ở Việt Nam đã được đúc vào thời gian nào, tại đâu ?
2. Trên mặt trống Sông Đà tại viện bảo tàng Guimet (Paris), có đặc điểm gì đáng lưu ý? Từ đặc điểm đó, ta có thể suy ra điều gì ?
3. Con số 18 của thời đại Hùng Vương có thể mang những ý nghĩa gì ?



Bài học 13 : Lịch sử - Nhà Tây Sơn (1778-1802)

Vào **hậu bán** thế kỉ XVIII, chế độ chúa Nguyễn ở phương nam bắt đầu xuống dốc. Nội bộ chính quyền bị lung củng, các quan **chuyên quyền, tham nhũng**; ngoài xã hội thì mất mùa, đói kém, giặc giã nổi lên tứ tung.

Năm 1771, ở đất Tây Sơn vùng Bình Định, anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ nổi lên làm cuộc **khởi nghĩa**. Họ **chủ trương** làm các việc công bằng, thẳng thắn, trừ khử bọn quan lại tham ô, những kẻ lưu manh trộm cướp; lấy của người giàu phân phát cho kẻ nghèo. Vì vậy, quân Tây Sơn đã được mọi tầng lớp dân chúng **ủng hộ**, thanh thế càng ngày càng lớn.

Năm 1773, quân Tây Sơn chiếm thành Quy Nhơn, rồi từ đó tiếp tục tiến đánh, chúa Nguyễn chống không nổi phải bỏ chạy vào Gia Định.

Năm 1778, Nguyễn Nhạc xưng là Tây Sơn Vương, phong cho Nguyễn Lữ làm Thiếu Phó và Nguyễn Huệ làm Phụ Chính đóng đô ở thành Đồ Bàn. Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ tiếp tục tấn công quân Nguyễn ở Gia Định, chúa Nguyễn Ánh phải trốn ra đảo Phú Quốc.

Năm 1778, Nguyễn Nhạc lên ngôi vua lấy hiệu là Thái Đức Hoàng Đế và phong cho Nguyễn Huệ làm Long Nhương Tướng Quân.

Năm 1784, Nguyễn Ánh chạy sang cầu cứu nước Xiêm La (Thái Lan), quân Xiêm lấy cớ đem 20 000 quân và 300 chiến thuyền sang đánh nước ta. Nguyễn Huệ nhử quân Xiêm vào Rạch Gầm và Xoài Mút ở phía trên tỉnh Mỹ Tho bây giờ, **đánh úp** và phá tan được giặc Xiêm. Từ đó quân Xiêm không còn sang phá rối nước ta nữa.

Năm 1786, Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc dẹp tan quân chúa Trịnh và trả lại ngai vàng cho vua Lê. Vua Lê gả Ngọc Hân công chúa cho Nguyễn Huệ.

Cũng trong năm ấy, Nguyễn Nhạc xưng là Trung Ương Hoàng Đế đóng đô ở Quy Nhơn, phong cho Nguyễn Lữ làm Đông Định Vương đóng ở Gia Định và Nguyễn Huệ làm Bắc Bình Vương đóng ở Thuận Hóa.

Giải nghĩa:

- **Hậu bán** : nửa sau
- **Chuyên quyền** : lấn át quyền hạn của người khác
- **Tham nhũng**: ỷ có quyền hành để hạch sách, đòi hỏi hối lộ
- **Khởi nghĩa**: nổi dậy lật đổ chế độ cũ thay đổi mới
- **Chủ trương**: có quyết định về hành động nào
- **Ủng hộ** : bằng lòng theo giúp.
- **Nhử** : dùng kế để đưa vào tròng.
- **Đánh úp** : đánh gần và bất ngờ

Câu hỏi:

1. Nhà Tây Sơn nổi lên từ nơi nào ?
2. Tại sao quân Tây Sơn lại được dân chúng ủng hộ ?
3. Tả sơ qua về trận đánh quân Xiêm của Nguyễn Huệ ?
4. Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc để làm gì ?
5. Nguyễn Huệ được phong chức gì sau khi dẹp tan quân chúa Trịnh trở về ?

Vua Quang Trung (1752-1792) chiến thắng Đống Đa (Kỉ Dậu 1789)

Mượn tiếng giúp vua Lê Chiêu Thống, vua Càn Long nhà Thanh (Trung Hoa) sai Tôn Sĩ Nghị đem 200 000 quân sang chiếm nước ta vào mùa thu năm 1788.

Được tin cấp báo, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ bình tĩnh ra lệnh chuẩn bị chống giặc. Các tướng sĩ yêu cầu ngài hãy lên ngôi vua để thuận lòng dân và **huy trương thanh thế**. Ngài cho đắp đàn ở Bàn Sơn và lên ngôi vua lấy hiệu là Quang Trung Hoàng Đế. Rồi từ Phú Xuân, vua Quang Trung tiến quân ra Bắc, dẹp giặc. Ông có tài **hành quân** chớp nhoáng. Nhà vua cho hợp ba người thành một tổ, rồi lần lượt thay phiên để gánh vống cho nhau. Nhờ sự chuyển vận này mà quân lính đi rất nhanh và đỡ cả sự nhọc mệt.

Ngày 20 tháng 12 năm 1788, đại quân đến núi Tam Điệp, vua Quang Trung cho quân sĩ ăn Tết trước và đợi đến hôm 30 tháng Chạp thì tiến quân. Trong 5 ngày, ngài phá tan quân nhà Thanh. Tôn Sĩ Nghị phải bỏ cả **án tín** chạy trốn về Tàu. Gò Đống Đa là mồ chôn hàng **vạn** quân giặc. Hai đạo quân Thanh từ Quý Châu và Vân Nam kéo sang, nghe tin cũng bỏ chạy nốt. Đến trưa mừng 5 Tết Kỉ Dậu (1789), vua Quang Trung thúc voi vào thành Thăng Long và mở tiệc ăn mừng chiến thắng.

Thế là chỉ trong vòng 5 ngày chiến đấu ào ạt, Vua Quang Trung đã **tiêu diệt** 200 000 quân Thanh. Đây là một chiến công oanh liệt đã được xếp vào bậc nhất trong các **vũ công** lớn lao của các danh tướng **cổ kim** trên thế giới.

Năm 1792, vua Quang Trung bị bệnh nặng và qua đời.

Hàng năm vào ngày mùng 5 Tết, dân chúng làm lễ kỉ niệm chiến thắng Đống Đa để ghi nhớ chiến công **hiển hách** của vua Quang Trung.



Giải nghĩa:

- **Huy trương** : nói cho rộng ra, lớn lên
- **Thanh thế** : tiếng tăm, uy danh
- **Hành quân** : di chuyển quân đội từ nơi này đến nơi khác
- **Án tín** : con dấu của vua, quan để làm tin
- **Tiêu diệt** : trừ khử một cách hoàn toàn
- **Vạn** : mười ngàn
- **Vũ công** : thành tích chiến đấu
- **Cổ kim** : cũ và mới, từ xưa đến nay
- **Hiển hách** : rực rỡ, lừng lẫy, tiếng tăm

Câu hỏi:

1. Tại sao quân Thanh sang xâm chiếm nước ta ?
2. Làm cách nào để quân ta đi nhanh mà đỡ mệt ?
3. Tả sơ qua về trận đại phá quân Thanh của vua Quang Trung ?
4. Chiến thắng Kỉ Dậu đã được ca ngợi như thế nào ?
5. Hàng năm, dân chúng làm lễ kỉ niệm chiến thắng Đống Đa vào ngày nào ?

Bài học 14 - Lịch sử - Nhà Nguyễn (1802-1954)

Năm 1785, sau khi quân Xiêm bị vua Quang Trung đánh bại, Nguyễn Ánh chạy theo sang Xiêm La (Thái Lan) và nhờ giám mục Bá Đa Lộc (Pigneau de Behaine) mang con trai là Hoàng Tử Cảnh cùng **quốc ấn, quốc thư** để **giám mục** đại diện kí hiệp ước Versailles ngày 28-11-1787 cầu xin chính phủ Pháp giúp Nguyễn Ánh đánh chiếm lại Việt Nam. Hiệp ước không được thi hành vì Tổng Trấn Pháp ở Ấn Độ chống đối. Thấy vậy, giám mục Bá Đa Lộc về Pháp tuyển mộ lính đánh thuê. Trong thời gian này Nguyễn Ánh trốn về Việt Nam, tuyển binh lính ở Hà Tiên rồi đánh chiếm Long Xuyên, Sa Đéc, Vĩnh Long và thành Gia Định. Năm 1788, giám mục Bá Đa Lộc trở lại với hai tàu chiến và các lính đánh thuê tới Sài Gòn (Sàigòn) với nhiều vũ khí. Tại đây một số võ quan Pháp giúp Nguyễn Ánh cải tổ lại việc binh bị theo lối Tây phương. Sau đó cứ đến mùa gió nồm, Nguyễn Ánh cho thuyền theo gió ra đánh Quy Nhơn, rồi đến mùa gió bắc thì lại rút quân về. Thời đó thường gọi là “giặc mùa”. Sau khi vua Quang Trung mất, thái tử Quang Toản mới 10 tuổi lên nối ngôi. Các quan trong triều bắt đầu chia bè phái, nhờ vậy Nguyễn Ánh chiếm lại được cả nước.

Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi vua lấy hiệu là Gia Long và đổi tên nước là **Việt Nam**.

Giải nghĩa:

- **Quốc ấn** : con dấu của nhà vua dùng để kí tên.
- **Quốc thư** : thư của người đứng đầu một nước này gửi cho người đứng đầu một nước khác.
- **Giám mục** : chức sắc do Đức Giáo Hoàng phong cho một giáo sĩ đứng đầu trong một địa phận công giáo.
- **Cải tổ**: tổ chức và sửa đổi lại cơ quan chính quyền.

Câu hỏi:

- 1- Nguyễn Ánh nhờ Bá Đa Lộc đại diện mình kí hiệp ước với Pháp để làm gì ?
- 2- Tại sao thời đó người ta gọi quân lính của Nguyễn Ánh là “giặc mùa” ?
- 3- Quân đội của Nguyễn Ánh được tạo nên như thế nào ?
- 4- Nêu ra những quyết định hoặc hoàn cảnh thuận lợi giúp Nguyễn Ánh thành công thống nhất đất nước ?



Bài tham khảo lịch sử Việt Nam - Vua Quang Trung Đại Phá Quân Thanh

trích Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim

Bắc Bình Vương (Nguyễn Huệ) được tin quân nhà Thanh đã sang đóng ở Thăng Lođi trước, và cho các quan nhà Lê về nước cũ hợp nghĩa binh, tìm tự quân nhà Lê đem ra đứng đầu để đối địch với Nguyễn Huệ, thử xem sự thể thế nào. Nếu lòng người nước Nam còn nhớ nhà Lê, có quân ta kéo đến, ai là chẳng gắng sức. Nguyễn Huệ tất phải tháo lui; ta nhân lấy dịp ấy mà sai Tự quân đuổi theo, rồi đại binh của ta theo sau, như thế không khó nhọc mấy nổi mà nên được công to, đó là mẹo hay hơn cả. Ví bằng suốt người trong nước, nửa theo đảng nọ, nửa theo đảng kia, thì Nguyễn Huệ tất không chịu lui. Vậy ta hãy đưa thư sang tỏ bảo đường họa phúc xem nó đối đáp làm sao. Đợi khi nào thủy quân ở Mân, Quảng đi đường bể sang đánh mặt Thuận Hóa và Quảng Nam rồi, bộ binh sẽ tiến lên sau.



Nguyễn Huệ trước sau bị địch, thế tất phải chịu thua. Bấy giờ ta sẽ nhân mà là ơn cho cả hai bên; tự đất Thuận Hóa Quảng Nam trở vào Nam, thì cho Nguyễn Huệ; tự châu Hoan, châu Ái trở ra Bắc thì phong cho Tự quân nhà Lê. Ta đóng đại binh lại để kiềm chế cả hai bên, rồi sẽ có xử trí về sau". Vua Quang Trung đem tờ mật dụ ấy bảo với Ngô Thì Nhiệm rằng: "Ta xem tờ chiếu của vua nhà Thanh chẳng qua cũng muốn mượn tiếng để lấy nước ta đó thôi. Nay đã bị ta đánh thua một trận, tất là lấy làm xấu hổ, chắc không chịu ở yên. Hai nước mà đánh nhau thì chỉ khổ dân. Vậy nên dùng lời nói khéo, để khiến cho khỏi sự binh đao; việc ấy nhờ nhà người chủ trương cho mới được". Ngô Thì Nhiệm vâng lệnh làm thư đại khái nói rằng: "Nước Nam vốn không dám chống cự với đại quốc, nhưng chỉ vì Tôn Sĩ Nghị làm nhờ việc cho nên phải thua. Vậy nay xin tạ tội và xin giảng hòa." Vua Quang Trung sai sứ đem thư sang Tàu, và lại sai đem những quân nhà Thanh đã bắt được, để ở một nơi, cấp cho lương thực, đợi ngày cho về nước. Xếp đặt mọi việc xong rồi, đem quân về Nam, lưu Ngô Văn Sở và Phan văn Lân ở lại tổng thống các việc quân quốc; còn những việc từ lệnh giao thiệp với nước Tàu thì ủy thác cho Ngô Thì Nhiệm và Phan Huy Ích cho được tự tiện mà khu xử, hễ không có việc gì quan hệ thì bắt tất phải đi tâu báo mà làm gì. Vua Quang Trung cầu hòa với nước Tàu là cốt để đợi ngày có đủ sức mà đánh báo thù, cho nên từ khi trong nước đã dẹp yên rồi, ngày đêm trù tính việc đánh Tàu. Công việc xếp đặt đâu vào đấy rồi, đến năm Nhâm Tý (1792) vua Quang Trung sai sứ sang Tàu, xin cầu hôn và xin trả lại cho Việt Nam đất Lưỡng Quảng. Việc ấy tuy không phải là bản ý nhưng muốn mượn chuyện để thử ý vua nhà Thanh. Không ngờ vua Quang Trung phải bệnh mất, các quan dìm việc cầu hôn và việc xin trả đất đi, không cho Thanh triều biết.

Vua Quang Trung mất năm Nhâm Tý (1792), làm vua được 4 năm, thọ được 40 tuổi, miếu hiệu là Thái Tổ Võ Hoàng Đế, lập tức hội các tướng sĩ để bàn việc đem binh ra đánh, các tướng đều xin hãy chính ngôi tôn, để yên lòng người rồi sẽ khởi binh. Bắc Bình Vương bèn sai đắp đàn ở núi Bàn Sơn, ngày 25 tháng mười một năm Mậu Thân (1788), Vương làm lễ lên ngôi Hoàng Đế, rồi tự mình thống lĩnh thủy bộ đại binh ra đánh giặc Thanh. Ra đến Nghệ An nghỉ lại 10 ngày để kén lấy thêm binh, cả thủy được 10 vạn quân và hơn 100 con voi. Vua Quang Trung điểm duyệt quân sĩ, truyền dụ nhủ bảo mọi người phải cố gắng đánh giặc giúp nước. Rồi kéo quân ra Bắc, đến ngày 20 tháng chạp thì đến núi Tam Điệp. Bọn Ngô Văn Sở, Ngô Thì Nhiệm đều ra tạ tội, kể chuyện quân Tàu thế mạnh, sợ đánh không nổi, cho nên phải lui về giữ chỗ hiểm yếu. Vua Quang Trung cười mà nói rằng: "Chúng nó sang phen này là mua cái chết đó thôi. Ta ra chuyến này thân coi việc quân đánh giặc, đã định mẹo rồi, đuổi quân Tàu về chẳng qua 10 ngày là xong việc. Nhưng chỉ nghĩ chúng là nước lớn gấp 10 nước ta, sau khi chúng thua một trận rồi, tất chúng lấy làm xấu hổ, lại mưu báo thù, như thế thì đánh nhau mãi không thôi, dân ta hại nhiều, ta sao nổi thế. Vậy đánh xong trận này, ta phải nhờ Thì Nhiệm dùng lời nói cho khéo để đình chỉ việc chiến tranh. Đợi mười năm nữa, nước ta dưỡng được sức phú cường rồi, thì ta không cần phải sợ chúng nữa." Vua Quang Trung truyền cho tướng sĩ ăn Tết Nguyên Đán trước, để đến hôm trừ tịch thì cất quân đi, định ngày mùng 7 tháng giêng thì vào thành Thăng Long mở tiệc ăn mừng. Đoạn rồi, truyền lệnh cho ba quân đến nghe lệnh điều khiển. Đại tư mã Sở, Nội Hầu Lân đem tiền quân đi làm tiên phong. Hô hử Hầu đem hậu quân đi đốc chiến. Đại đô đốc Lộc, Đô đốc Tuyết đem hữu quân cùng thủy quân, vượt qua bể vào sông Lục Đầu. Rồi Tuyết thì kinh lược mặt Hải Dương, tiếp ứng đường mé Đông; Lộc thì kéo về vùng Lạng Giang, Phượng Nhỡn, Yên Thế để chặn đường quân Tàu chạy về. Đại đô đốc Bảo, đô đốc Mưu đem tả quân cùng quân tượng mã đi đường núi ra đánh phía Tây. Mưu thì xuyên ra huyện Chương Đức (nay là Chương Mỹ), tiện đường kéo thẳng đến làng Nhân Mục, huyện Thanh Trì, đánh quân Điền Châu; Bảo thì thống suất quân tượng mã theo đường huyện Sơn Lãng ra làng Đại Áng thuộc huyện Thanh Trì tiếp ứng cho mặt tả. Năm quân được lệnh đều thu xếp đầu đuôi, đến hôm khuya trống kéo ra Bắc. Khi quân sang sông Giản Thủy, cánh nghĩa quân của nhà Lê tan vỡ chạy cả. Vua Quang Trung thân đốc các quân đuổi theo đến huyện Phú Xuyên bắt sống hết được toán quân Tàu đóng ở đấy, không một người nào chạy thoát được; vì thế cho nên không có tin báo về, những quân Tàu đóng ở làng Hà Hồi và làng Ngọc Hồi không biết gì cả. Nửa đêm ngày mùng 3 tháng giêng năm Kỷ Dậu (1789) quân vua Quang Trung đến làng Hà Hồi vây kín đồn giặc, rồi bắc loa lên gọi, các quân dạ rầm cả lên, có hàng muôn người. Quân canh đồn bấy giờ mới biết, sợ hãi thất thổ, đều xin hàng, bởi thế, lấy được hết cả quân lương và đồ khí giới. Sáng mờ mờ ngày mùng năm, quân Tây Sơn tiến lên đến làng Ngọc Hồi, quân Tàu bắn súng ra như mưa. Vua Quang Trung sai người lấy những mảnh ván, ghép ba mảnh lại làm một, lấy rơm cỏ giáp nước quẩn ở ngoài, rồi sai quân kiêu dũng cứ người khiêng một mảnh, mỗi người dắt một con dao nhọn, lại có 20 người cầm khí giới theo sau. Vua Quang Trung cưỡi voi đi sau đốc chiến, quân An Nam vào đến gần cửa đồn, bỏ ván xuống đất, rút dao ra, xông vào chém, quân đi sau cũng kéo ùa cả vào đánh. Quân Tàu địch không nổi, xôn xao tán loạn, xéo lẫn nhau mà chạy. Quân Nam thừa thế đánh tràn đi, lấy được các đồn, giết quân Thanh thây nằm ngổn ngang khắp đồng, máu chảy như thác nước. Quân các đạo khác cũng đều được toàn thắng. Quan nhà Thanh là đề đốc Hứa Thế Hanh, tiên phong Trương Sĩ Long, tả dực Thượng Duy Thăng đều tử trận cả; quan phủ Điền Châu là Sầm Nghi Đống đóng ở Đống Đa bị quân An Nam vây đánh cũng thất cố mà chết. Tôn Sĩ Nghị nửa đêm được tin báo, hoảng hốt không kịp thắng yên ngựa và mặc áo giáp, đem mấy tên lính kỵ chạy qua sông sang Bắc. Quân các trại nghe tin như thế, xôn xao tan rã chạy trốn, tranh nhau sang cầu, một lát cầu đổ, sa cả xuống sông chết đuối, sông Nhị Hà đầy những thây người chết. Vua Chiêu Thống cũng theo Tôn Sĩ Nghị sang sông cùng với bà Hoàng Thái Hậu và mấy người cận thân chạy sang Tàu. Đạo quân Vân Nam và Quý Châu đóng ở miền Sơn Tây nghe tin Tôn Sĩ Nghị đã thua, cũng rút quân chạy về. Ngày hôm ấy vua Quang Trung đốc quân đánh giặc, áo ngự bào bị thuốc

súng bắn vào đen như mực. Đến trưa thì vào thành Thăng Long, sai tướng đem binh đuổi đánh quân nhà Thanh đến cửa Nam Quan. Những dân Tàu ở gần Lạng Sơn sợ khiếp, đàn ông, đàn bà dắt díu nhau mà chạy, từ cửa ải về mé bắc hơn mấy trăm dặm, tịnh không nghe thấy tiếng một người nào. Vua Quang Trung vào thành Thăng Long, hạ lệnh chiêu an, phàm những người Tàu trốn tránh ở đâu ra thú tội, đều được cấp cho áo mặc, lương ăn. Lại bắt được cả ấn tín của Tôn Sĩ Nghị bỏ lại, trong những giấy má bắt được có tờ mật dụ của vua Càn Long nói rằng: "Việc quân nên từ đồ, không nên hấp tấp. Hãy nên đưa hịch truyền thanh thế.